

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG NGHỀ
KHÓA 16 CAO ĐẲNG NGHỀ VÀ KHOÁ CỬ THI LẠI
Kỳ thi Tháng 7/2019

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT NGHỀ	THỰC HÀNH NGHỀ
1	16002869	Đoàn Quốc	Bảo	10/08/1997	16CDN-Ô1	5.5		
2	16001600	Hồ Dương Thiên	Bảo	04/08/1997	16CDN-Ô1	7.5		
3	16003272	Trần Đức	Cường	04/12/1998	16CDN-Ô1	6.5		
4	16002136	Nguyễn Hải	Đăng	20/12/1998	16CDN-Ô1	7.0		
5	16001837	Trần Duy	Đào	25/02/1998	16CDN-Ô1	8.0		
6	16002298	Hồ Quốc	Di	14/06/1998	16CDN-Ô1	5.0		
7	16000666	Phạm Minh	Điền	09/09/1998	16CDN-Ô1	7.5		
8	16003874	Trần Thanh	Duy	16/10/1996	16CDN-Ô1	5.5		
9	16001790	Phạm Việt	Hoàng	11/12/1997	16CDN-Ô1	7.5		
10	16003141	Lê Minh	Huân	24/09/1998	16CDN-Ô1	5.5		
11	16001041	Nguyễn Gia	Huy	14/12/1997	16CDN-Ô1	4.5		
12	16002068	Nguyễn Văn	Kiên	28/05/1997	16CDN-Ô1	6.5		
13	16002924	Bùi Đăng	Nguyên	21/04/1997	16CDN-Ô1	7.5		
14	16000354	Phan Anh	Quốc	13/07/1994	16CDN-Ô1	6.5		
15	16002892	Nguyễn	Thọ	25/12/1998	16CDN-Ô1	7.5		
16	16001768	Lê Minh	Trường	18/08/1998	16CDN-Ô1	7.5		
17	16002528	Lê Hữu	Viên	04/09/1998	16CDN-Ô1	7.5		
18	16002131	Nguyễn Quốc	Việt	03/08/1997	16CDN-Ô1	7.5		
19	16002977	Nguyễn Phương	Anh	25/07/1998	16CDN-QTD	7.5	7.5	6.5
20	16002224	Trần Thị Mỹ	Duyên	07/02/1998	16CDN-QTD	6.5	3.0	5.0
21	16002607	Nguyễn Hữu	Đức	29/12/1998	16CDN-QTD	6.5	7.0	5.0
22	16002969	Võ Lê Kim	Giàu	30/05/1998	16CDN-QTD	7.0	3.0	5.5
23	16003098	Nguyễn Ngọc	Hải	15/08/1998	16CDN-QTD	7.0	5.0	5.0
24	16000539	Võ Thế	Lâm	02/05/1995	16CDN-QTD	7.5	10.0	8.5
25	16001207	Võ Thi Út	Liên	20/11/1997	16CDN-QTD	9.0	10.0	8.5

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	MÔN THI		
						CHÍNH TRỊ	LÝ THUYẾT NGHỀ	THỰC HÀNH NGHỀ
26	16001611	Đông Thị Ngọc	Mai	18/05/1998	16CĐN-QTD	7.5	9.0	6.0
27	16003742	Trần Thị	Mai	21/10/1998	16CĐN-QTD	6.5	3.5	8.0
28	16002405	Võ Thị Mỹ	Nga	10/10/1998	16CĐN-QTD	7.0	5.0	7.0
29	16002257	Lý Kim	Ngân	25/11/1998	16CĐN-QTD	7.5	7.5	7.5
30	16001888	Lý Bội	Như	07/09/1998	16CĐN-QTD	7.5	7.0	7.5
31	16002007	Nguyễn Thị Thanh	Phương	01/12/1998	16CĐN-QTD	7.5	5.5	7.5
32	16001921	Trần Đỗ Hồng	Phương	28/09/1998	16CĐN-QTD	7.0	2.0	3.0
33	16003267	Võ Anh	Thư	21/06/1998	16CĐN-QTD	7.5	6.5	8.5
34	16001027	Đoàn Thị Minh	Tiến	16/01/1998	16CĐN-QTD	7.5	7.5	7.5
35	16001822	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tú	19/10/1998	16CĐN-QTD	8.5	9.0	7.5
36	16003640	Trần Minh	Tuyên	12/10/1996	16CĐN-QTD	7.5	9.0	7.5
37	16003221	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	25/02/1998	16CĐN-QTD	7.5	2.0	5.0
38	16002590	Lương Hoàng Yến	Vy	04/03/1994	16CĐN-QTD	6.0	1.0	5.5
39	15003198	Đinh Văn	Lợi	17/08/1997	15CĐN-QTD	7.5	6.0	6.0

Tổng cộng danh sách có 39 HS.

LT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

KẾT QUẢ BẢO VỆ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KHÓA 16 CAO ĐẲNG NGHỀ
Tháng 7/2019

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm bảo vệ	Ghi chú
1	16002869	Đoàn Quốc	Bảo	10/08/1997	16CĐN-Ô1	9.0	
2	16001600	Hồ Dương Thiên	Bảo	04/08/1997	16CĐN-Ô1	9.0	
3	16003272	Trần Đức	Cường	04/12/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
4	16002136	Nguyễn Hải	Đăng	20/12/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
5	16001837	Trần Duy	Đào	25/02/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
6	16002298	Hồ Quốc	Di	14/06/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
7	16000666	Phạm Minh	Điền	09/09/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
8	16003874	Trần Thanh	Duy	16/10/1996	16CĐN-Ô1	9.0	
9	16001790	Phạm Việt	Hoàng	11/12/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
10	16003141	Lê Minh	Huân	24/09/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
11	16001041	Nguyễn Gia	Huy	14/12/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
12	16002068	Nguyễn Văn	Kiên	28/05/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
13	16002924	Bùi Đăng	Nguyên	21/04/1997	16CĐN-Ô1	9.0	
14	16000354	Phan Anh	Quốc	13/07/1994	16CĐN-Ô1	9.0	
15	16002892	Nguyễn	Thọ	25/12/1998	16CĐN-Ô1	9.0	
16	16001768	Lê Minh	Trường	18/08/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
17	16002528	Lê Hữu	Viện	04/09/1998	16CĐN-Ô1	9.0	
18	16002131	Nguyễn Quốc	Việt	03/08/1997	16CĐN-Ô1	9.0	
19	16002362	Nguyễn Thanh	Bình	20/07/1996	16CĐN-Ô1	7.0	
20	16003467	Phạm Duy	Bình	23/07/1997	16CĐN-Ô1	9.0	
21	16003357	Hoàng Minh	Chính	07/06/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
22	16000694	Nguyễn Thành	Đại	28/11/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
23	16001110	Vũ Minh	Đức	04/10/1998	16CĐN-Ô1	9.0	
24	16002407	La Văn	Giới	19/12/1997	16CĐN-Ô1	v	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm bảo vệ	Ghi chú
25	16000973	Huỳnh Đăng	Hiếu	13/08/1997	16CĐN-Ô1	8.0	
26	16001391	Trần Duy	Hoan	12/07/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
27	16003416	Nguyễn Thái	Hoàng	06/12/1997	16CĐN-Ô1	7.3	
28	16001832	Nguyễn Thành	Lâm	12/02/1998	16CĐN-Ô1	6.0	
29	16001858	Đinh Duy	Quân	28/01/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
30	16003174	Trương	Tài	08/08/1997	16CĐN-Ô1	8.0	
31	16003698	Hồ Minh	Thái	02/10/1998	16CĐN-Ô1	8.0	
32	16002663	Phạm Khắc	Thạo	14/03/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
33	16003149	Nguyễn Thành	Trung	05/09/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
34	16003286	Đới Xuân	Tuấn	26/05/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
35	16001684	Hà Minh	Tuấn	23/11/1998	16CĐN-Ô1	v	
36	16000916	Phạm Thanh	Tuấn	11/09/1998	16CĐN-Ô1	7.0	
37	16002568	Huỳnh Nhật	Tường	03/10/1995	16CĐN-Ô1	8.0	
38	16001465	Nguyễn Hoàng	Vũ	20/06/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
39	16003093	Nguyễn Hoàng	Vũ	07/05/1997	16CĐN-Ô1	7.0	
40	16001807	Nguyễn Quốc	Vũ	29/03/1998	16CĐN-Ô1	7.0	

Tổng cộng danh sách có 40 HS.

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Đinh Văn Đệ